



# CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 26 + 27

Ngày 05 tháng 10 năm 2020

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

28-9-2020	Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ban hành Quy định về nội dung và mức hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	4
29-9-2020	Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Thái Nguyên.	11

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

03-9-2020	Quyết định số 2746/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ để xây dựng mở rộng trường học tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ.	16
09-9-2020	Quyết định số 2787/QĐ-UBND về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Công nghiệp Phú Bình để sử dụng vào mục đích xây dựng Điểm dân cư nông thôn mới Xuân Phương tại xã Xuân Phương, huyện Phú Bình (đợt 2)	18
14-9-2020	Quyết định số 2833/QĐ-UBND về việc giao đất cho UBND huyện Đồng Hỷ để thực hiện dự án Xây	22

dựng hạ tầng Khu hành chính mới huyện Đông Hỷ  
- Hạng mục: Quảng trường và đường giao thông tại  
xã Hóa Thượng, huyện Đông Hỷ (đợt 1).

14-9-2020	Quyết định số 2834/QĐ-UBND về việc thu hồi đất cho Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên thuê đất để sử dụng vào mục đích làm kho bãi chế biến kinh doanh than tại xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên.	27
14-9-2020	Quyết định số 2835/QĐ-UBND về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cấp Trung ương được giao tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại cấp tỉnh thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tư pháp.	29
14-9-2020	Quyết định số 2836/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực: Luật sư; Tư vấn pháp luật; Đấu giá tài sản; Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.	31
18-9-2020	Quyết định số 2897/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	83
18-9-2020	Quyết định số 2900/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.	94
28-9-2020	Quyết định số 2965/QĐ-UBND về việc cho Công ty Cổ phần Vận tải Thái Nguyên thuê đất để thực hiện Dự án xây dựng Bến xe khách thị xã Phổ Yên tại xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên.	98
28-9-2020	Quyết định số 2967/QĐ-UBND về việc giao đất cho Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Gia Thái Nguyên để sử dụng vào mục đích xây dựng Khu dân cư số 3, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên - giai đoạn II (đợt 3).	103

28-9-2020	Quyết định số 2968/QĐ-UBND về việc giao đất cho Kho bạc Nhà nước Đồng Hỷ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc kho bạc Nhà nước Đồng Hỷ tại xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ (đợt 2).	107
05-10-2020	Công văn số 3870/UBND-CNN về việc đính chính Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND.	110

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2020/QĐ-UBND

*Thái Nguyên, ngày 28 tháng 9 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về nội dung và mức hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2168/TTr-SNN ngày 17 tháng 9 năm 2020; của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 222/BC-STP ngày 25 tháng 6 năm 2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nội dung và mức hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2020, thay thế Quyết định số 38/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh ban hành Quy chế xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Công Thương, Lao

động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Văn Lượng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY ĐỊNH**

**Nội dung và mức hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định nội dung và mức hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, gồm:

a) Hỗ trợ di dời các cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch.

b) Hỗ trợ đào tạo nhân lực.

c) Hỗ trợ phát triển làng nghề.

2. Quy định này áp dụng đối với:

a) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### **Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau, đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

2. Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí, chi phí còn lại do chủ đầu tư tự cân đối.

**Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ****1. Hỗ trợ di dời cơ sở ngành nghề nông thôn**

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% chi phí di dời cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch cụm công nghiệp, quy hoạch ngành nghề nông thôn nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

**2. Hỗ trợ về đào tạo nhân lực**

a) Hỗ trợ các lớp truyền nghề do cơ sở ngành nghề nông thôn trực tiếp tổ chức: Hỗ trợ 80% chi phí, nhưng không quá 25 triệu đồng/lớp. Chi phí lớp học gồm:

- Chi thuê hội trường, phòng học, thuê thiết bị phục vụ học tập (nếu có) mức chi theo chi phí thực tế.

- Chi thù lao giảng viên: 600.000 đồng/buổi (04 tiết học).

- Chi biên soạn tài liệu: 45.000 đồng/trang.

- Chi giải khát giữa giờ: 40.000 đồng/người/ngày.

b) Hỗ trợ các khóa truyền nghề theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề do nghệ nhân cấp tỉnh tổ chức: 80.000 đồng/giờ, nhưng không quá 640.000 đồng/ngày và 25 triệu đồng/khóa truyền nghề.

c) Hỗ trợ các khóa truyền nghề theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề do thợ thủ công tổ chức: 50.000 đồng/giờ, nhưng không quá 400.000 đồng/ngày và 15 triệu đồng/khóa truyền nghề.

**3. Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng và các hoạt động quảng bá, giới thiệu phát triển làng nghề**

a) Đối với làng nghề: 40 triệu đồng/làng nghề.

b) Đối với làng nghề truyền thống: 50 triệu đồng/làng nghề truyền thống.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện các nội dung Quy định này.

b) Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống hàng năm gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

d) Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

đ) Báo cáo định kỳ thực hiện theo quy định của pháp luật, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống.

### 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác để hỗ trợ đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

### 3. Sở Tài chính

a) Căn cứ vào khả năng của ngân sách, Sở Tài chính tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho hoạt động phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trong kế hoạch hàng năm theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn chế độ chính sách liên quan đến việc hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề theo quy định.

#### 4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia các chương trình, kế hoạch khuyến công, hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định.

#### 5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo nghề, truyền nghề cho lao động nông thôn.

#### 6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan hướng dẫn thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường tại các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

b) Nghiên cứu, hướng dẫn các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn áp dụng các biện pháp xử lý môi trường phù hợp với quy mô và điều kiện sản xuất.

#### 7. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo phát triển du lịch gắn với làng nghề; tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch, hỗ trợ phát triển hạ tầng du lịch làng nghề, khuyến khích phát triển dịch vụ và sản phẩm du lịch làng nghề.

#### 8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn, quản lý công nghệ sản xuất; hạn chế việc đưa công nghệ cũ, lạc hậu vào làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn gây ô nhiễm môi trường.

b) Hướng dẫn thủ tục và hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, hướng dẫn thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan nghiên cứu, giới thiệu, phổ biến công nghệ sản xuất thân thiện môi trường đối với làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

### 9. Các sở ngành khác có liên quan

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và Quy định này để tổ chức thực hiện.

### 10. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xây dựng kế hoạch, tổng hợp dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách phát triển ngành nghề nông thôn và định hướng bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; định kỳ 5 năm một lần, rà soát, thống kê, phân loại, lập quy hoạch (hoặc kế hoạch quản lý) phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

c) Phổ biến, tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

11. Các cơ sở ngành nghề nông thôn và làng nghề được hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả và chịu sự kiểm tra của các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác quản lý ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

### 12. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Văn Lượng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2020/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;*

*Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 292/HĐND-VP ngày 28 tháng 9 năm 2020 về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số: 1624/TTr-SGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

2. Không ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người có thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng theo phân cấp.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố, thị xã.

4. Các cơ sở giáo dục công lập gồm:

a) Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông.

b) Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên.

c) Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện.

d) Trường chuyên biệt: Trường THPT Chuyên Thái Nguyên; Trường phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Thái Nguyên; các trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện; Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tỉnh Thái Nguyên.

5. Các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc các Sở: Lao động, Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giao thông vận tải.

6. Các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

### **Điều 3. Nguyên tắc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

1. Máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo (sau đây gọi tắt là trang thiết bị giáo dục chuyên dùng) là những máy móc, thiết bị đồng bộ; máy móc, thiết bị đơn chiếc; dây chuyền công nghệ; dụng cụ; đồ dùng, đồ chơi; bàn; ghế; bảng; tủ/giá, kệ và các thiết bị khác (sau đây gọi chung là thiết bị) được sử dụng cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy, học tập, đào tạo, thí nghiệm, thực hành trong các cơ sở giáo dục.

2. Đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Giá mua trang thiết bị giáo dục quy định tại Điều 4 Quyết định này là giá (đã bao gồm các loại thuế, phí) theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Đối với trang thiết bị giáo dục chuyên dùng không đủ điều kiện tiêu chuẩn tài sản cố định: Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư, mua sắm, điều chuyển, thuê theo quy định của pháp luật quyết định việc trang bị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị giáo dục chuyên dùng phải đảm bảo đúng thẩm quyền được giao, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu sử dụng tài sản tại các cơ quan, đơn vị. Người được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định của mình.

6. Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo phải được công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và được gửi cơ quan Kho bạc Nhà nước để thực hiện kiểm soát chi theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Thẩm quyền ban hành, điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo (chủng loại, số lượng) đối với các loại máy móc thiết bị có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành, điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo (chủng loại, số lượng) đối với các loại máy móc thiết bị có giá mua dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản cho các đơn vị quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 2 Quyết định này.

3. Thủ trưởng các cơ quan: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giao thông vận tải ban hành, điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (số lượng, chủng loại) đối với các loại máy móc, thiết bị có giá mua dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trực thuộc.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân

dân tỉnh ban hành, điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (số lượng, chủng loại) đối với các loại máy móc, thiết bị có giá mua dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/10/2020.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo (chủng loại, số lượng) thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Hồng Bắc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2746/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 9 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất, giao đất cho Trường phổ thông Dân tộc nội trú  
Trung học cơ sở Đại Từ để xây dựng mở rộng Trường học  
tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt chuyển tiếp, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Đại Từ;*

*Xét đơn xin giao đất của Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, đề ngày 15 tháng 8 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 527/TTr-STNMT ngày 21 tháng 8 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Thu hồi đất và giao đất**

1. Thu hồi diện tích 5.776,6 m<sup>2</sup> đất cơ sở giáo dục đào tạo tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ do Trường THPT Đại Từ quản lý.

2. Giao diện tích 5.776,6 m<sup>2</sup> đất thu hồi tại Khoản 1 Điều này cho Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ để sử dụng vào mục đích xây

dụng mở rộng Trường học.

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản trích lục bản đồ địa chính (chính lý), thửa đất số 139, tờ bản đồ địa chính số 68, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xác lập tháng 10 năm 2018.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Đại Từ, UBND thị trấn Hùng Sơn, Trường THPT Đại Từ, Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới thu hồi và giao đất trên thực địa;
- Thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đại Từ, Chủ tịch UBND thị trấn Hùng Sơn, Hiệu trưởng Trường THPT Đại Từ, Hiệu trưởng Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2787/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 9 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Công nghiệp Phú Bình để sử dụng vào mục đích xây dựng Điểm dân cư nông thôn mới Xuân Phương tại xã Xuân Phương, huyện Phú Bình (đợt 2)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 4246/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Phú Bình;*

*Xét đơn xin giao đất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Công nghiệp Phú Bình, đề ngày 04 tháng 8 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 538/TTr-STNMT ngày 28 tháng 8 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Giao đất**

1. Giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Công nghiệp Phú Bình diện tích 3.401,3 m<sup>2</sup> đất (*đã được UBND huyện Phú Bình thu hồi và giải phóng mặt bằng*) để sử dụng vào mục đích xây dựng Điểm dân cư nông thôn mới Xuân Phương tại xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, cụ thể như sau:

a) Diện tích 374,0 m<sup>2</sup> đất để đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật (*đất công cộng diện tích 248,5 m<sup>2</sup> và đất giao thông diện tích 125,5 m<sup>2</sup>*).

b) Diện tích 967,8 m<sup>2</sup> đất ở để xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê. Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 06/01/2070.

c) Diện tích 2.059,5 m<sup>2</sup> đất thương mại, dịch vụ. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 06/01/2070.

2. Giao diện tích 430,3 m<sup>2</sup> đất tại xã Xuân Phương, huyện Phú Bình (*đã được UBND huyện Phú Bình thu hồi và giải phóng mặt bằng - phần diện tích thuộc hành lang an toàn giao thông và nằm ngoài ranh giới quy hoạch dự án*) cho UBND huyện Phú Bình để quản lý theo quy định.

3. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản trích lục mảnh bản đồ địa chính đo vẽ lại, tờ bản đồ địa chính số 7, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỷ lệ 1:1000, do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xác lập ngày 19/8/2020.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

## **Điều 2.** Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Đối với phần diện tích đất giao tại điểm a, khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Đối với phần diện tích đất giao tại điểm b, điểm c, khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện Phú Bình, UBND xã Xuân Phương, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Công nghiệp Phú Bình theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện:

- Xác định nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và

Công nghiệp Phú Bình.

- Thông báo nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Công nghiệp Phú Bình theo quy định.

- Xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Công nghiệp Phú Bình sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Công nghiệp Phú Bình bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định sau khi hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phú Bình, Chủ tịch UBND xã Xuân Phương, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Công nghiệp Phú Bình và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục****DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO CHO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ CÔNG NGHIỆP PHÚ BÌNH TẠI XÃ XUÂN PHƯƠNG, HUYỆN PHÚ BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2787/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>STT</b>	<b>Số tờ bản đồ</b>	<b>Diện tích đất ở (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Diện tích đất thương mại, dịch vụ (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Diện tích đất công cộng (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Diện tích đất giao thông (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Diện tích thuộc lộ giới giao thông (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Diện tích nằm ngoài quy hoạch dự án (m<sup>2</sup>)</b>
1	7	156,1	206,5	248,5	115,1	126,9	124,8
2	7	388,5	668,0		8,2	177,5	1,1
3	7	183,8	1.185,0		2,2		
4	7	239,4					
<b>Tổng cộng</b>		<b>967,8</b>	<b>2.059,5</b>	<b>248,5</b>	<b>125,5</b>	<b>304,4</b>	<b>125,9</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2833/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 9 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đất cho UBND huyện Đồng Hỷ để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng Khu hành chính mới huyện Đồng Hỷ - Hạng mục: Quảng trường và đường giao thông tại xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ (đợt 1)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Đồng Hỷ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 555/TTr-STNMT ngày 04 tháng 9 năm 2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Thu hồi đất và giao đất**

1. Thu hồi diện tích 3.361,0 m<sup>2</sup> đất tại xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ do UBND xã Hóa Thượng quản lý (được UBND tỉnh Thái Nguyên giao đất tại Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 28/5/2018).

2. Giao diện tích 13.922,6 m<sup>2</sup> đất (gồm 3.361,0 m<sup>2</sup> đất thu hồi tại khoản 1 Điều này và 10.561,6 m<sup>2</sup> đất đã được UBND huyện Đồng Hỷ thu hồi và giải phóng

*mặt bằng*) cho UBND huyện Đông Hỷ để sử dụng vào mục đích xây dựng hạ tầng Khu hành chính mới huyện Đông Hỷ - Hạng mục: Quảng trường và đường giao thông tại xã Hóa Thượng, huyện Đông Hỷ.

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

3. Giao diện tích 2.097,5 m<sup>2</sup> đất tại xã Hóa Thượng, huyện Đông Hỷ (*đã được UBND huyện Đông Hỷ thu hồi - phân năm chỉ giới quy hoạch*) cho UBND xã Hóa Thượng quản lý theo quy định.

4. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo bản trích lục bản đồ địa chính, trích lục từ tờ bản đồ địa chính số 13, 17, 18, xã Hóa Thượng, huyện Đông Hỷ, tỷ lệ 1:1000, do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 11/3/2020.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Đông Hỷ, UBND xã Hóa Thượng thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới thu hồi và giao đất trên thực địa;
- Thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho UBND huyện Đông Hỷ theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đông Hỷ, Chủ tịch UBND xã Hóa Thượng và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục**  
**DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO CHO UBND HUYỆN ĐỒNG HỖ**  
**TẠI XÃ HÓA THƯỢNG, HUYỆN ĐỒNG HỖ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2833/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )		
			Tổng	Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch
<b>I</b>	<b>Diện tích đất do UBND huyện Đồng Hỷ đã thu hồi</b>		<b>12.659,10</b>	<b>10.561,60</b>	<b>2.097,50</b>
1	18	63	346,0	21,0	325,0
2	18	545	70,0	70,0	
3	18	545	257,0	257,0	
4	18	1413	70,0	70,0	
5	18	1413	405,1	88,3	316,8
6	18	78	86,0	42,4	43,6
7	18	37	159,0	159,0	
8	18	38	57,0	57,0	
9	18	60	471,0	471,0	
10	18	61	200,0	161,5	38,5
11	18	62	355,4	86,7	268,7
12	18	41	588,0	160,5	427,5
13	18	79	266,9	10,8	256,1
14	17	184	529,1	491,3	37,8
15	17	196	411,7	347,4	64,3
16	17	144	94,0	94,0	

STT	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )		
			Tổng	Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch
17	18	486	200,0	200,0	
18	18	486	440,5	376,5	64,0
19	18	546	200,0	200,0	
20	18	546	1.065,0	1.065,0	
21	18	186	130,0	130,0	
22	18	186	501,0	501,0	
23	18	187	199,0	199,0	
24	18	207	547,6	305,5	242,1
25	18	234	48,7	35,6	13,1
26	18	172	260,0	260,0	
27	18	172	1.028,2	1.028,2	
28	18	137	1.177,8	1.177,8	
29	18	125	817,7	817,7	
30	17	169	610,9	610,9	
31	18	57	1.066,5	1.066,5	
<b>II</b>	<b>Diện tích đất thu hồi của UBND xã</b>		<b>3.361,0</b>	<b>3.361,0</b>	
32	17	145	467,9	467,9	
33	17	119	192,8	192,8	
34	18	111	1.508,6	1.508,6	
35	18	36	162,5	162,5	

STT	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )		
			Tổng	Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch
36	13	424	117,7	117,7	
37	18	15	123,4	123,4	
38	18	17	485,8	485,8	
39	13	411	302,3	302,3	
<b>TỔNG (I+II)</b>			<b>16.020,1</b>	<b>13.922,6</b>	<b>2.097,5</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2834/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 9 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất, cho Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên thuê đất để sử dụng vào mục đích làm kho bãi chế biến kinh doanh than tại xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Xét Đơn xin thuê đất của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên, đề ngày 11 tháng 7 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 529/TTr-STNMT ngày 25 tháng 8 năm 2020 về việc thu hồi đất, cho Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên thuê đất để sử dụng vào mục đích làm kho bãi chế biến kinh doanh than tại xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Thu hồi đất và cho thuê đất**

1. Thu hồi diện tích 22.945,7 m<sup>2</sup> đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên do Công ty Cổ phần Khai khoáng Miền Núi đang thuê (được UBND tỉnh cho thuê đất tại Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 01/12/2014; Công ty Cổ phần Khai khoáng Miền Núi đã chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên).

2. Cho Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên thuê diện tích 22.945,7 m<sup>2</sup> đất thu hồi tại khoản 1 Điều này để sử dụng vào mục đích làm kho bãi chế biến kinh doanh than tại xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên.

Thời hạn thuê đất: Đến ngày 01/8/2047.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

3. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại thửa số 612 và thửa đất số 668, tờ bản đồ số 11, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Thái Nguyên, UBND xã Sơn Cẩm, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên, Công ty Cổ phần Khai khoáng Miền Núi có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới thu hồi và giao đất trên thực địa;
- Xác định đơn giá tiền thuê đất và thông báo cho Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định;
- Ký hợp đồng thuê đất cho Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên theo quy định;
- Thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên, Chủ tịch UBND xã Sơn Cẩm, Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên, Giám đốc Công ty Cổ phần Khai khoáng Miền Núi và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2835/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 9 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cấp Trung ương  
được giao tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại cấp tỉnh  
thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tư pháp**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cấp Trung ương được giao tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại cấp tỉnh thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tư pháp.

*(Có Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Hồng Bắc**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG**  
**ĐƯỢC GIAO TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TẠI CẤP TỈNH**  
**THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2835/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020 của*  
*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	<p>- <i>Nơi tiếp nhận hồ sơ:</i></p> <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p>Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	<p>- Luật luật sư năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư;</p> <p>- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư;</p>
2	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	<p>- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Bộ Tư pháp</p>	<p>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư;</p> <p>- Quyết định số 537/QĐ-BTP ngày 05/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2836/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 9 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực: Luật sư; Tư vấn pháp luật; Đấu giá tài sản; Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực: Luật sư; Tư vấn pháp luật; Đấu giá tài sản; Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.

*(Có Phụ lục I kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này bãi bỏ một số thủ tục hành chính đã được công bố tại các Quyết định sau:

1. Bãi bỏ 12 thủ tục hành chính lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại Quyết định số 3062/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tư pháp ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Bãi bỏ 20 thủ tục hành chính lĩnh vực luật sư; 10 thủ tục hành chính lĩnh vực tư vấn pháp luật được công bố tại Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Hỗ trợ tư pháp, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên.

3. Bãi bỏ 12 thủ tục hành chính lĩnh vực đấu giá được công bố tại Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp và UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

4. Bãi bỏ 54 thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp được công bố tại Quyết định số 4054/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả và không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính các cấp tỉnh Thái Nguyên.

*(Có Phụ lục II kèm theo).*

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Hồng Bắc**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA LĨNH VỰC: LUẬT SƯ; TƯ VẤN PHÁP**  
**LUẬT; ĐẤU GIÁ TÀI SẢN; QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2836/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2020 của*  
*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực luật sư</b>				
1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp  <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	- Luật luật sư năm 2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC

					<p>ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp</p> <p>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Không quy định	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên,</i></p>	<p>- Lệ phí: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn thu phí: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa</p>	<p>- Luật luật sư năm 2006;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư.</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức</p>

			<i>tỉnh Thái Nguyên)</i>	giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp	thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp - Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	- Luật luật sư năm 2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư.

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp</li> <li>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường</i>	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật luật sư năm 2006;</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư.</li> </ul>

	<p>hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh</p>		<p><i>Cách mạng tháng Tám, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư.</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp</li> <li>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
--	--	--	---	---

5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006.</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư.</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư.</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp</li> <li>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
---	---	---	--	-------------------------	--

6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012.</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư.</li> <li>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
---	---	---	--	-------	---

7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	<p>Phí thẩm định: 2.000.000 đồng/hồ sơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012.</li> <li>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư.</li> <li>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
---	--	---	--	--	---

8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	<p>Phí thẩm định: 1.000.000 đồng/hồ sơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.</li> <li>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư.</li> <li>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
---	---	---	--	--	--

9	Hợp nhất công ty luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.</li> <li>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
10	Sáp nhập công ty luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.</li> <li>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

11	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.</li> <li>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
12	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí</li> </ul>

			<i>Thái Nguyên)</i>		<p>đăng ký doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	<p>Phí thẩm định:</p> <p>600.000 đồng/hồ sơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư.</li> <li>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong</li> </ul>

					<p>lĩnh vực hoạt động luật sư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
14	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	<p>Phí thẩm định: 2.000.000 đồng/hồ sơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012.</li> <li>- Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư, Nghị định hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Luật sư về tổ chức xã hội -</li> </ul>

					<p>nghề nghiệp của luật sư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư.</li> <li>- Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực tư vấn pháp luật</b>				
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật.</li> <li>- Nghị định số 05/2012/NĐ-CP</li> </ul>

			<p>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</p>	<p>ngày 02/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật.</p> <p>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.</p> <p>- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư</p>
--	--	--	---	--

					<p>pháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
2	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật.</li> <li>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.</li> <li>- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp</li> </ul>

					<p>sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng</i>	Không	<p>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật.</p> <p>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số</p>

			<p><i>Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	<p>77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.</p> <p>- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
--	--	--	---	--

4	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật.</li> <li>- Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật.</li> <li>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.</li> <li>- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày</li> </ul>
---	-------------------------------	---	--	-------	--

					<p>23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
5	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh</i></p>	Không	<p>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật.</p> <p>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn</p>

			<i>Thái Nguyên)</i>		<p>pháp luật.</p> <p>- Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
6	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	Không	<p>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.</p> <p>- Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>

III	Lĩnh vực đấu giá tài sản				
1	Cấp thẻ đấu giá viên	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu giá tài sản.</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản.</li> <li>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
2	Cấp lại thẻ đấu giá viên	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu giá tài sản.</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở</li> </ul>

			<i>Thái Nguyên)</i>		<p>đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.</p> <p>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
3	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	<p>Phí thẩm định:</p> <p>1.000.000 đồng/hồ sơ</p>	<p>- Luật đấu giá tài sản.</p> <p>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và</p>

					<p>kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.</p> <p>- Thông tư 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.</p> <p>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
4	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị thay đổi	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng</i>	Phí thẩm định: 500.000 đồng/hồ sơ	<p>- Luật đấu giá tài sản.</p> <p>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản.</p>

			<p><i>Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.</li> <li>- Thông tư 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.</li> <li>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
--	--	--	---	--

5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i></p>	<p>Phí thẩm định:</p> <p>500.000 đồng/hồ sơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu giá tài sản.</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.</li> <li>- Thông tư 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.</li> <li>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng</li> </ul>
---	---	---	--	---	--

					quản lý của Bộ Tư pháp.
6	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu giá tài sản.</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.</li> <li>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

7	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến của tổ chức đấu giá tài sản	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu giá tài sản.</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản.</li> <li>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
8	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>	Phí thẩm định: 2.700.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật đấu giá tài sản.</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề</li> </ul>

					<p>đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.</p> <p>- Thông tư 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.</p> <p>- Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản</b>				
1	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng</i>	Phí thẩm định: 500.000 đồng/hồ sơ	- Luật Phá sản năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài

			<i>Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>		<p>sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên.</li> <li>- Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
2	Thay đổi thành viên hợp danh	07 ngày làm việc, kể từ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phá sản năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP</li> </ul>

	của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>		ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.  - Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
3	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên)</i>	Phí thẩm định:  500.000 đồng/hồ sơ	- Luật Phá sản năm 2014.  - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.  - Thông tư 224/2016/TT-BTC Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản

			<i>Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>		<p>lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên.</p> <p>- Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
4	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Quản Tài viên	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p><i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh</i></p>	Không	<p>- Luật Phá sản năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.</p> <p>- Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành</p>

			<i>Thái Nguyên)</i>		chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
5	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của doanh nghiệp	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>(Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>	Không	- Luật Phá sản năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản. - Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH THÁI NGUYÊN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2836/QĐ-UBND ngày 14/9/2020*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**1. Danh mục TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định số 3062/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tư pháp ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>		
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Quản tài viên</b>		
1	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề thanh lý, quản lý tài sản	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
2	Thủ tục chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân		

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ
3	Thủ tục thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		
4	Thủ tục thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		
5	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		
6	Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề thanh lý, quản lý tài sản	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
7	Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		
8	Thủ tục tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên		

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ
9	Thủ tục tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		
10	Thủ tục gia hạn quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		
11	Thủ tục hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên		
12	Thủ tục hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		

**2. Danh mục TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Bổ trợ tư pháp, Chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ</b>
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Luật sư</b>	
1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	
5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	
6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	
7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ
8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp
9	Hợp nhất công ty luật	
10	Sáp nhập công ty luật	
11	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	
12	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	
13	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
14	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
15	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	
16	Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	
17	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ
15	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn luật sư	
16	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
17	Giải thể Đoàn luật sư	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Tư vấn pháp luật</b>	
1	Thủ tục đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
2	Thủ tục đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	
3	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	
4	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ
5	Thủ tục chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động	
6	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	
7	Thủ tục thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	
8	Thủ tục cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
9	Thủ tục thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	
10	Thủ tục cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	

**3. Danh mục TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp và UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực đấu giá tài sản</b>	
1	Thủ tục cấp Thẻ đấu giá viên	Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
2	Thủ tục thu hồi Thẻ đấu giá viên	
3	Thủ tục cấp lại Thẻ đấu giá viên	
4	Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
5	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp	Quyết định số 1724/QĐ-BTP ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp
6	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác	
7	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ</b>
8	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
9	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	
10	Thủ tục thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
11	Thủ tục phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	
12	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	

**4. Danh mục TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định số 4054/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả và không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính các cấp tỉnh Thái Nguyên**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực luật sư</b>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
1	Thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	<p data-bbox="994 655 2002 746">Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p> <p data-bbox="994 767 2002 858"><i>Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</i></p>
2	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
3	Thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
4	Thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	
5	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	
6	Thủ tục chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	
7	Thủ tục đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	
8	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	<p data-bbox="994 1278 2002 1369">Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp</p>

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>
9	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	<i>Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</i>
10	Thủ tục hợp nhất công ty luật	
11	Thủ tục sáp nhập công ty luật	
12	Thủ tục chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	
13	Thủ tục chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	
14	Thủ tục thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	
15	Thủ tục phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn luật sư	
16	Thủ tục phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư	
17	Thủ tục giải thể Đoàn luật sư	

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
18	Thủ tục đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	
19	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	
20	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Tư vấn pháp luật</b>	
21	Thủ tục đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp <i>Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</i>
22	Thủ tục đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	
23	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	
24	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
25	Thủ tục chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động	
26	Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	
27	Thủ tục thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	
28	Thủ tục cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	
29	Thủ tục thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	
30	Thủ tục cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực đấu giá tài sản</b>	
31	Thủ tục cấp Thẻ đấu giá viên	
32	Thủ tục thu hồi Thẻ đấu giá viên	
33	Thủ tục cấp lại Thẻ đấu giá viên	
34	Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
35	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh	

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp

*Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên*

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
	nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp	
36	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác	
37	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
38	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	
39	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	
40	Thủ tục thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp
41	Thủ tục phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	<i>Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</i>
42	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả	

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
	tập sự hành nghề đấu giá tài sản	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề thanh lý, quản lý tài sản</b>	
43	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp  <i>Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</i>
44	Thủ tục chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	
45	Thủ tục thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
46	Thủ tục thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
47	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tư pháp  <i>Địa chỉ: Số 7 đường Cách mạng tháng Tám, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</i>
48	Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	
49	Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký hành	

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>
	nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
50	Thủ tục tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	
51	Thủ tục tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
52	Thủ tục gia hạn quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	
53	Thủ tục hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	
54	Thủ tục hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2897/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 9 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực  
Đầu tư tại Việt Nam thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực đầu*

*tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Hồng Bắc**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số: 2897/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	<p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên/Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên/Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định</p>	<p>1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>2. Đối với dự án đầu tư vào cụm công nghiệp, nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 366/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, T.P Thái Nguyên.</p>	Không có	<p>- Luật Đầu tư năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.</p> <p>- Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp</p>

Ghi chú: Dòng chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

		<p>những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên/Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>+ Cơ quan quản lý về đất đai chịu trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ; cơ quan quản lý về quy hoạch cung cấp thông tin quy hoạch để làm cơ sở thẩm định trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên/Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên/Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Nội dung báo cáo thẩm định gồm:</p> <p>+ Thông tin về dự án: thông</p>			<p><i>quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</i></p>
--	--	---	--	--	--

*Ghi chú: Dòng chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung*

	<p>tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;</p> <p>+ Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);</p> <p>+ Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;</p> <p>+ Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);</p> <p>+ Đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao</p>			
--	--	--	--	--

Ghi chú: Dòng chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

		<p>đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>+ Đối với dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư (đánh giá nhà đầu tư có được sử dụng địa điểm đầu tư theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật đất đai hay không).</p> <p>+ Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên/Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban</p>			
--	--	--	--	--	--

Ghi chú: Dòng chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quyết định chủ trương đầu tư gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên/Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên và nhà đầu tư.

\* Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài Khu công nghiệp thì khi lấy ý kiến thẩm định theo Bước 2, ngoài việc lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch

		và Đầu tư. Tại bước 5, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên. Các bước và nội dung khác thực hiện theo thủ tục chung.		
2	Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	<p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên/Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên/Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh</p>	<p>1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>2. Đối với dự án đầu tư trong cụm công nghiệp, nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 366/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, T.P Thái Nguyên.</p>	<p>Không có</p> <p>- Luật Đầu tư năm 2014. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành. - Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND</p>

Ghi chú: Dòng chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

		<p>thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan nêu tại Bước 3, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên/Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên/Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p><b>* Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:</b></p> <p>- Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại mục của thủ tục này cho Sở Kế hoạch và Đầu</p>			<p>tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>
--	--	---	--	--	--

Ghi chú: Dòng chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

	<p>tư tỉnh Thái Nguyên.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.</li><li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.</li><li>- Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung</li></ul>			
--	---	--	--	--

Ghi chú: Dòng chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

		<p>quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP liên quan đến nội dung điều chỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</li> <li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên và nhà đầu tư.</li> </ul>			
--	--	--	--	--	--

Ghi chú: Dòng chữ in nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2900/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 9 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính  
lĩnh vực Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ  
không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ  
chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản  
lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về  
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của  
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ  
tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện  
cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng  
Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng,  
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị  
định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một  
cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1327/BKHĐT-KHDT ngày 28/8/2020 của Bộ Kế hoạch  
và Đầu tư về việc thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực vốn*

*hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Hồng Bắc**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ  
VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA  
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO VIỆT NAM  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thời gian xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về chương trình, dự án kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 20 ngày.	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	Không có	- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/07/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.
2	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không	Thời gian xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về chương trình, dự án kể từ ngày Sở	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:	Không có	- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/07/2020 của Chính phủ về quản lý và sử

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Kế hoạch và Đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 20 ngày.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.		dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.
3	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thời gian xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về chương trình, dự án kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ là không quá 20 ngày.	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	Không có	- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/07/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2965/QĐ-UBND

*Thái Nguyên, ngày 28 tháng 9 năm 2020*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cho Công ty Cổ phần Vận tải Thái Nguyên thuê đất  
để thực hiện Dự án xây dựng Bến xe khách thị xã Phổ Yên  
tại xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt chuyển tiếp, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thị xã Phổ Yên;*

*Xét Đơn xin thuê đất của Công ty Cổ phần Vận tải Thái Nguyên, đề ngày 26 tháng 8 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 569/TTr-STNMT ngày 14 tháng 9 năm 2020 về việc đề nghị cho Công ty Cổ phần Vận tải Thái Nguyên thuê đất để thực hiện Dự án xây dựng Bến xe khách thị xã Phổ Yên tại xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho Công ty Cổ phần Vận tải Thái Nguyên thuê diện tích 11.123,0 m<sup>2</sup> đất (đã được UBND thị xã Phổ Yên thu hồi đất và giải phóng mặt bằng), để sử dụng vào mục đích thực hiện Dự án xây dựng Bến xe khách thị xã Phổ Yên theo hình thức đối tác công tư tại xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên.

Thời hạn thuê đất: Đến hết năm 2065.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản trích lục bản đồ địa chính, từ tờ bản đồ địa chính số 36, 37, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỷ lệ 1:1000, do Văn phòng Đăng ký Đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 05/8/2020 và ngày 28/8/2020.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, UBND thị xã Phổ Yên, UBND xã Nam Tiến, Công ty Cổ phần Vận tải Thái Nguyên có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
- Xác định đơn giá tiền thuê đất và thông báo cho Công ty Cổ phần Vận tải Thái Nguyên nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định;
- Ký hợp đồng thuê đất cho Công ty Cổ phần Vận tải Thái Nguyên theo quy định;
- Thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Phổ Yên, Chủ tịch UBND xã Nam Tiên, Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Thái Nguyên và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục.****DIỆN TÍCH ĐẤT CHO CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THÁI NGUYÊN THUÊ  
TẠI XÃ NAM TIẾN, THỊ XÃ PHỔ YÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2965/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2020  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa		Diện tích đất (m <sup>2</sup> )
		Thửa trích đo	Thửa địa chính	
1	36	15	168+168a	145,9
2	36	7	100+100a+103	804,1
3	37	6	150	760,1
4	37	33	231+232	639,4
5	37	2	149	544,7
6	37	31	229	639,4
7	37	22	227	379,4
8	37	13	154	609,5
9	37	19	225	309,4
10	37	12	156	22,2
11	37	29	234	2,8
12	36	8	99+101+102	620,2
13	37	5	145	41,1
14	37	4	145+146	34,6
15	37	18	225	750,3
16	37	3	147	7,3
17	37	32	230	532,9
18	37	30	233	112,8
19	37	11	151	431,7
20	37	27	233	329,3
21	36	17	170	943,1
22	37	26	228	426,6
23	36	16	106	97,9

STT	Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa		Diện tích đất (m <sup>2</sup> )
		Thửa trích đo	Thửa địa chính	
24	36	9	169	372,4
25	36	14	169	1.032,8
26	36	1	98	311,1
27	37	35		1,8
28	37	23		108,0
29	37	28		13,9
30	37	10		98,3
<b>Tổng cộng</b>				<b>11.123,0</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2967/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 9 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đất cho Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Gia Thái Nguyên để sử dụng vào mục đích xây dựng Khu dân cư số 3, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên - giai đoạn II (đợt 3)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Thái Nguyên;*

*Xét đơn xin giao đất của Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Gia Thái Nguyên, đề ngày 30 tháng 7 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 573/TTr-STNMT ngày 15 tháng 9 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao cho Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Gia Thái Nguyên diện tích 354,0 m<sup>2</sup> đất (đã được UBND thành phố Thái Nguyên thu hồi và giải phóng mặt bằng) để sử dụng vào mục xây dựng Khu dân cư số 3, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên - giai đoạn II, cụ thể như sau:

1. Diện tích 311,9 m<sup>2</sup> đất ở để xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê. Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời

hạn sử dụng đất: Đến ngày 22/10/2062.

2. Diện tích 42,1 m<sup>2</sup> đất để đầu tư xây dựng đường giao thông.

3. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại các Bản trích lục bản đồ địa chính, trích lục từ tờ bản đồ địa chính số 19, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, do Văn phòng Đăng ký Đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập tháng 11 năm 2017 và ngày 14/5/2020.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

## **Điều 2.** Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Đối với phần diện tích đất giao tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Thái Nguyên, UBND phường Tân Thịnh, Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Gia Thái Nguyên theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện:

- Xác định nghĩa vụ tài chính đối với Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Gia Thái Nguyên.

- Thông báo nghĩa vụ tài chính đối với Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Gia Thái Nguyên theo quy định.

- Xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Gia Thái Nguyên sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Đối với phần diện tích đất giao tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Gia Thái Nguyên bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định sau khi hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.

## **Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên, Chủ tịch UBND phường Tân Thịnh, Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Gia Thái Nguyên và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục.****DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO CHO CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HOÀNG GIA THÁI NGUYÊN TẠI PHƯỜNG TÂN THỊNH, THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2967/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>TT</b>	<b>Tờ bản đồ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
1	19	374	50,0
2	19	375	25,8
3	19	339	145,0
4	19	292	133,2
<b>Tổng</b>			<b>354,0</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2968/QĐ-UBND

*Thái Nguyên, ngày 28 tháng 9 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đất cho Kho bạc Nhà nước Đồng Hỷ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc kho bạc Nhà nước Đồng Hỷ tại xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ (đợt 2)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Đồng Hỷ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 597/TTr-STNMT ngày 21 tháng 9 năm 2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao (đợt 2) diện tích 325,0 m<sup>2</sup> đất (đã được UBND huyện Đồng Hỷ thu hồi và giải phóng mặt bằng) cho Kho bạc Nhà nước Đồng Hỷ để sử dụng vào mục đích xây công trình Trụ sở làm việc kho bạc Nhà nước Đồng Hỷ tại xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ.

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo bản trích lục bản đồ địa chính, trích lục từ tờ bản đồ địa chính số 13, xã Hóa Thượng, huyện Đông Hồ do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 16/4/2018 và ngày 14/9/2020.

*(có phụ lục chi tiết kèm theo)*

## **Điều 2.** Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Đông Hồ, UBND xã Hóa Thượng và Kho bạc Nhà nước Đông Hồ thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
- Thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Kho bạc Nhà nước Đông Hồ theo quy định.

2. Kho bạc Nhà nước Đông Hồ có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới, diện tích, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật đất đai.

## **Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đông Hồ, Chủ tịch UBND xã Hóa Thượng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đông Hồ và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục.****DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO CHO KHO BẠC NHÀ NƯỚC ĐỒNG HỖ  
TẠI XÃ HÓA THƯỢNG, HUYỆN ĐỒNG HỖ (ĐỢT 2)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2968/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2020  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>STT</b>	<b>Số tờ bản đồ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
1	13	271	127,0
2	13	304	158,0
3	13	319	31,0
4	13	335	9,0
	<b>TỔNG</b>		<b>325,0</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3870/UBND-CNN

*Thái Nguyên, ngày 05 tháng 10 năm 2020*

V/v đính chính Quyết định số  
19/2020/QĐ-UBND

Kính gửi:

- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,  
Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp,  
Công Thương, Lao động - Thương binh Xã hội,  
Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch,  
Khoa học và Công nghệ;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã.

Do sơ suất kỹ thuật, xin đính chính sai sót tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về nội dung và mức hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như sau:

Tại Điều 2 Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND) viết là: “*Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2020*”.

Nay xin sửa lại là: “*Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 10 năm 2020*”

Văn bản này thay thế Văn bản số 3817/UBND-CNN ngày 01/10/2020 của UBND tỉnh./.

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Lưu Quang Tuấn**

**CÔNG BÁO** tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ : Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ: “Văn bản đăng trên Công báo là văn bản chính thức và có giá trị như bản gốc. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa Công báo in và Công báo điện tử thì sử dụng Công báo in làm căn cứ chính thức”.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo in được in trên giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

Các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua đề nghị liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên.

---

## **VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: [portal@thainguyen.gov.vn](mailto:portal@thainguyen.gov.vn)

Website: [www.congbaothainguyen.gov.vn](http://www.congbaothainguyen.gov.vn)